

Số: **246/2023/QĐST-HNGĐ**

Sơn Dương, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 252/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Hạnh M.**, sinh năm 1999;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Tr.**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Hạnh M. và anh Nguyễn Văn Tr..

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 02/6/2021 cho chị Bùi Hạnh M. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bùi Hạnh M. và anh Nguyễn Văn Tr. tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn Tr. có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Bùi Hạnh M. và anh Nguyễn Văn Tr. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Hạnh M. và anh Nguyễn Văn Tr. thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã M. (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến